

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2021/HS-PT
Ngày: 06-12- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 464/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn S, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2021/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ tên: **Phạm Văn S**; Sinh ngày: 15/7/1975; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Phạm Văn T (đã chết), bà Đào Ngọc S – 73 tuổi (còn sống). Anh chị em ruột gồm: 06 người; Lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1985; Vợ: Võ Thị Cẩm H - sinh năm 1978. Con gồm 03 người. Lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15.5.2021 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa: Luật Sư Trần Thị Mộng Thanh- Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tàu cá KG-95119-TS do Trần Văn B làm tài công, tàu cá KG-95422-TS do Dương Văn Đ làm tài công. Hai tàu cá này thuộc quyền sở hữu của Phạm Văn S, sinh ngày 15/7/1975 ở ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Ngày 20.02.2021, hai tàu cá trên xuất phát tại cửa biển Kinh Dài của huyện A, tỉnh Kiên Giang để hoạt động đánh bắt thủy sản trên biển thì bị phía Malaysia bắt giữ.

Ngày 10/03/2021, có người tên L từ Malaysia gọi vào số điện thoại di động của S giới thiệu là người môi giới chuộc tàu cá Việt Nam bị bắt giữ tại Malaysia và đặt vấn đề với S muốn chuộc tàu cá KG-95119-TS thì S phải trả cho L 400.000 Ringgit tiền Malaysia tương đương 2 tỷ 385 triệu đồng tiền Việt Nam. S đồng ý chuyển tiền để được nhận tàu về Việt Nam.

Ngày 09/4/2021, S kêu vợ là Võ Thị Cẩm H nộp số tiền 2 tỷ 385 triệu đồng theo yêu cầu của L vào tài khoản số 19034364964016 để chuộc tàu cá KG-95119-TS. Sau khi nhận được tiền, L thông báo cho S biết tàu cá KG-95119-TS đã được chính quyền Malaysia trao trả và L sẽ bố trí 03 người Việt Nam từ Malaysia đi theo tàu cá KG-95119-TS về đến tọa độ 6°30'N-105°30'E thuộc vùng biển Việt Nam vào ngày 17 hoặc ngày 18/4/2021, S do muốn chuộc được tàu cá nên đồng ý. Giữa L và S không thỏa thuận chi phí về việc chở 03 người này về Việt Nam.

Khi nhận được thông tin trên, S chuẩn bị ngư lưới cụ cùng nhu yếu phẩm cần thiết mang xuống tàu cá KG -94517- TS của S và gọi cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (tài công), Đoàn Văn L (tài công), Phạm Văn T (phụ tàu), cùng ở xã A, huyện B, tỉnh Kiên Giang và 10 thuyền viên chưa rõ họ tên và địa chỉ chạy ra nhận tàu cá KG-95119 -TS để cho L và 10 thuyền viên tiếp tục hoạt động đánh bắt thủy sản. Tàu cá KG-94517-TS xuất phát ra biển vào lúc 15 giờ 10 phút ngày 17/4/2021 do L điều khiển, khi đi có trình Đồn Biên phòng Sông Đốc.

L điều khiển tàu cá KG-94517-TS đến tọa độ như L đã thông tin thì gặp tàu cá KG-95119-TS, toàn bộ thuyền viên, ngư lưới cụ và nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động đánh bắt được di chuyển sang tàu KG-95119-TS. Cùng lúc này, 03 người gồm Nguyễn Văn S – sinh năm 1974, trú tại khu A, B, C, D; Nguyễn Văn C – sinh năm 1992, trú xóm A, B, C, D, Quảng Bình và một người chưa xác định được danh tính từ tàu cá KG-95119-TS sang tàu cá KG-94517-TS. S kêu Nguyễn Văn T điều khiển tàu KG-94517-TS quay về cửa biển A, huyện B.

Ngày 19/4/2021, khi tàu KG-94517-TS về đến gần khu vực đảo Hòn Khoai thì T dừng lại do không quen luồng lạch chạy vào cửa biển Rạch Gốc sợ mắc cạn, lật tàu đồng thời gọi điện thoại báo cho S biết. S kêu T đậu tàu gần đảo Hòn Khoai để S gọi đò ra rước S, C và một người không rõ danh tính vào đất liền. Sau đó, S gọi điện liên hệ với Hồ Quốc V, thuê V chạy đò ra gần đảo Hòn Khoai để rước khách vào cửa biển A, huyện B. Do đò của V nhỏ không ra biển được nên V gọi điện cho Võ Văn C để kêu C chạy đò ra rước khách tại vị trí gần đảo Hòn Khoai, sau đó C gọi cho Trương Văn Đ, (là người chạy thuê cho C) điều khiển phương tiện tàu vỏ gỗ của C ra khu vực gần đảo Hòn Khoai rước khách vào đất liền. Sau khi chở 03 người nói trên vào bờ, V thông tin cho S hay và báo giá 2.500.000 đồng, S nói với V

do đường xa nên chuyển cho V số tiền 4.000.000 đồng để bồi dưỡng thêm cho V, V trả cho C 2.500.000 đồng, C trả cho Đen 500.000 đồng tiền chạy thuê.

Qua làm việc, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn C là người nhập cảnh trái phép khai nhận: Năm 2018, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C xuất cảnh S Malaysia lao động, làm việc tại Công ty thuê tư nhân. Khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, Công ty đóng cửa và do các nước có nhiều biện pháp phòng chống dịch Covid-19 nên C và S không về Việt Nam được. Cuối tháng 3/2021, Leng T là ông chủ doanh nghiệp của S và C liên hệ với một người phụ nữ tên H, để đưa S, C về Việt Nam bằng đường biển, với giá 1.500 Ringgit (*tương đương 8.411.000 đồng tiền Việt Nam*). Leng T đã sử dụng tiền lương của S, C để trả tiền cho H.

Sáng ngày 13/4/2021, H cho xe đón S, C chở đến Cảng biển ở Malaysia rồi đưa xuống tàu cá. Đến 11 giờ 00 phút cùng ngày tàu cá rời bến chạy ra biển, đến hơn 13 giờ 00 phút ngày 14/4/2021, tàu dừng lại, neo đậu chờ phương tiện khác đến đón rồi được đưa vào đất liền. Ngay khi vào đất liền, S và C đã đến Đồn Biên phòng Rạch Gốc trình báo, được thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 và đưa đi cách ly tập trung tại trung đoàn 896/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau lúc 18 giờ 20 phút ngày 19/4/2021. Đối với người thanh niên không rõ lai lịch đi chung tàu cá với S và C cũng lên đất liền đi về thị trấn Sông Đốc đến nay chưa rõ ở đâu nên chưa làm việc được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2021/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 348; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn S, với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/6/2021, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung kháng cáo: Nội dung vụ án và tội danh như cấp sơ thẩm kết luận là đúng, việc cho 3 người Việt Nam theo tàu cá về Việt Nam bị cáo không hưởng lợi, quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp đủ tiền phạt 30.000.000đ, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bản thân bị cáo là người chấp hành pháp luật tốt, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 4-5 năm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Mức án cấp sơ thẩm tuyên là nặng,

hành vi của bị cáo không có tính tổ chức, phạm tội do hoàn cảnh lệ thuộc người khác vì muốn chuộc tàu, không vụ lợi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, đã nộp đủ tiền phạt, có nhân thân tốt, có nhiều đóng góp cho địa phương, gia đình có nhiều người có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ không có việc làm, mẹ già và các con nhỏ. Đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo đồng ý với ý kiến Luật sư, đề nghị giảm án cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện lao động nuôi gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo S thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cấp sơ thẩm đã kết luận. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo S là chủ tàu cá số hiệu KG- 95119-TS, tàu này bị Malaysia bắt do đánh bắt tại vùng biển của Malaysia. S không báo cho cơ quan chức năng của Việt Nam giải quyết mà S đã liên hệ với người phụ nữ tên L ở Malaysia để chuộc tàu. Sau khi nhận được tiền chuộc, L thông báo cho S biết tàu cá KG- 95119-TS đã được phía Malaysia trao trả, L thông báo cho S biết L sẽ bố trí cho 3 người Việt Nam ở Malaysia theo tàu cá KG- 95119-TS về Việt Nam vào ngày 17 hoặc 18/4/2021, S vì muốn chuộc được tàu nên đồng ý, giữa S và L không thỏa thuận về chi phí trong việc chở 3 người Việt nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Quá trình điều tra, xét xử cho thấy việc S đồng ý cho 3 người Việt Nam theo tàu cá của mình bị Malaysia bắt giữ về Việt Nam theo yêu cầu của L thì S không nhận tiền, vật chất của L cũng như của 3 người Việt Nam.

Khi Tàu KG- 95119-TS được L thông báo về đến tọa độ tại vùng biển Việt Nam, S đã cho tàu và người ra đưa 3 người Việt Nam là Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn C và một người không rõ danh tính từ tàu cá KG- 95119-TS của S S tàu KG- 94517-TS (cũng của S) đưa vào đất liền. Sau khi vào đất liền. S và C đã đến đồn biên phòng trình báo và được đưa đi cách ly y tế. Đối với người thành niên không rõ lai lịch đi chung với C, S vào đất liền, lên bờ và đi đâu không xác định được.

Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép” theo khoản 1 Điều 348 BLHS là có căn cứ.

[2]- Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy:

[2.1]- Việc bị cáo đưa số lượng 03 người nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính tại biên giới của nhà nước, có thể gây nguy cơ lây lan dịch bệnh, nguy hiểm cho xã hội.

Xét thấy, hành vi của bị cáo có nguyên nhân từ việc mong muốn chuộc tàu cá bị Malaysia giữ nên chấp nhận điều kiện của L để 03 người Việt Nam về theo tàu. Những người Việt Nam này đều là người đi xuất khẩu lao động mắc kẹt tại Malaysia không về được do dịch bệnh. Hành vi của bị cáo thể hiện ngoài việc muốn chuộc tàu cá của mình thì bị cáo cũng có ý thức giúp đỡ đồng bào mình gặp khó khăn ở nước ngoài do dịch bệnh không về được, bị cáo không hưởng lợi hay nhận bất kỳ vật chất nào từ L và 3 người Việt Nam đi cùng tàu cá KG- 95119-TS về. Thực tế, nhà nước ta trong thời gian qua cũng có chủ trương tổ chức đưa người Việt Nam ở nước ngoài về nước do dịch bệnh nhằm giúp đỡ họ. Khi vào đất liền 2 người Việt Nam đến đồn biên phòng khai báo theo quy định và được cách ly y tế, một người đi đâu không rõ. Quá trình điều tra cho thấy hành vi của bị cáo cũng không làm lây lan dịch bệnh.

[2.2]- Bị cáo là người có nhân thân tốt, từ trước đến nay không vi phạm pháp luật ngoài lần phạm tội này, gia đình bị cáo là gia đình có nhiều người có công với cách mạng, ông bà bên nội và bên ngoại của bị cáo đều là những người có công, được tặng huân huy chương kháng chiến chống Mỹ, bản thân bị cáo cũng có đóng góp trong việc xây dựng quê hương, cụ thể bị cáo tài trợ xây dựng mới một cây cầu và sửa chữa một cây cầu ở địa phương, được địa phương xác nhận, bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền phạt theo án sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét.

[3]Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là do hoàn cảnh khách quan buộc phải chuộc tàu cá nên bị cáo phạm tội, bản thân bị cáo không chủ động hay cố ý thực hiện tội phạm, hậu quả ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, là thành phần lao động, có nghề nghiệp, là lao động chính trong gia đình, quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ thực sự ăn năn, hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ý kiến của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]- Đối với hình phạt bổ sung thì giữ nguyên như án sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền phạt đầy đủ theo án sơ thẩm.

Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn S; sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2021/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn S như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”.

1- Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 348; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày 06/12/2021.

Giao bị cáo Phạm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

2- Xử phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn S, với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang;
- BCTN (1)
- Lưu HS. Án 07

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng